

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1256 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08- 11-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 720/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng Phương N – sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Phường A, quận Tân Phú

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường A, quận Tân Phú

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Phường N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau. Hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 28/7/1997. Sau khi cưới vợ chồng ra sống riêng, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Ông H hay ghen tuông vô cớ, dùng lời lẽ xúc phạm và thiếu tôn trọng bà. Ông H thiếu kiểm chế bản thân, đập phá đồ dùng trong nhà. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến hai bên không còn sống chung nhà. Bà ra ngoài sống riêng. Vợ chồng ly thân khoảng 05 năm, hai bên không còn quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống của mình. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông H, bà yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H có lời khai thể hiện:

Thời gian kết hôn và chung sống đúng như bà N trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, hay gây gỗ, cãi vã. Thực tế do công việc nên ông thường xuyên xa nhà, vợ chồng ít chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn. Do đó ông không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung : Ông bà khai có 01 con chung là Nguyễn Q sinh ngày 18/9/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung : Bà N xin tự thỏa thuận, ông H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Ông bà khai không có.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn H nhưng ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai của các bên và các chứng cứ thu thập được, thể hiện vợ chồng bà N và ông H chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng không sống chung nhà. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung : Bà N, ông H khai có 01 con chung Nguyễn Q sinh ngày 18/9/1999 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung : Bà N xin tự thỏa thuận.

Về nợ chung : Bà N khai không có nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Hồng Phương N, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do ông H hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tiến hành thông đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/7/1997, thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Hồng Phương N và ông Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Ông H không đồng ý ly hôn vì ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn. Ông H mong muốn đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau lo cho con.

Căn cứ vào chứng cứ, lời khai của bà N, ông H các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay thể hiện thời gian vợ chồng bà N, ông H chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn. Thực tế bà N và ông H không sống chung nhà. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa được phương hướng khắc phục để vợ chồng chung sống hạnh phúc nên bà N vẫn không chấp nhận. Xét thấy, tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn

trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.Thực tế bà N, ông H không sống chung nhà thì hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông H là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, ông H xin đoàn tụ gia đình nhưng thực tế tình cảm vợ chồng không hàn gắn được và hiện tại mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau thì không thể xây dựng gia đình hạnh phúc được. Do đó ông H yêu cầu được đoàn tụ gia đình và không đồng ý ly hôn nhưng không đến tòa để hòa giải hàn gắn tình cảm gia đình điều này chứng minh ông H chưa thực sự thiết tha để vợ chồng đoàn tụ. Do đó lời trình bày của ông H là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Bà N, ông H khai có 01 con chung Nguyễn Q sinh ngày 18/9/1999 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung : Bà N xin tự thỏa thuận. Ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà khai không có

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 35;điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147;Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Phương N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Phương N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận 2,Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/7/1997, chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Q sinh ngày 18/9/1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung : Bà N xin tự thỏa thuận. Ông H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng Phương N phải chịu 300.000đồng được trừ vào số tiền 300.000đồng mà bà N đã tạm nộp theo biên lai thu số 0011410 ngày 13/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.Tân Phú ;
- Chi cục THA DS Q.Tân phú ;
- UBND P. B, Q.2.
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương